TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Lập;

Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp.

Trong các ngày 13/8/2026, ngày 07/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 419/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 24/05/1999.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thành P, sinh ngày 01/01/1992.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N:* Vào năm 2022, sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị N và anh P được hai bên gia đình chấp thuận và tổ chức lễ cưới cho chị N và anh P về chung sống với nhau, đến ngày 16/02/2024 chị N và anh P mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp).

Trong quan hệ hôn nhân chị N và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Bảo An N1, sinh ngày 19/01/2023 (hiện đang sống chung với chị N). Thời gian đầu vợ chồng chung sống thì có hạnh phúc, về sau nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên gây gỗ với nhau. Anh P không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình mà còn thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi bới và đánh đập chị N. Sống chung không hạnh phúc mà chỉ mang lại sự mệt mỏi nên chị N đã ly thân với anh P từ đầu năm 2026 đến nay, trong thời gian ly thân thì chị N và anh P cũng không hàn gắn tình cảm lại được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có hàn gắn sống chung lại cũng không hạnh phúc nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành P vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Bảo An N1, sinh ngày 19/01/2023.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Nguyễn Thành P:* Đã được Tòa án tống đạt và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án đã được nêu ở trên thì xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thành P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 16/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Đồng Tháp) nên hôn nhân của chị N và anh P là hợp pháp.

Chị N trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống thì có hạnh phúc, về sau nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên gây gỗ với nhau; anh P không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình mà

còn thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi bới và đánh đập chị N; sống chung không hạnh phúc mà chỉ mang lại sự mệt mỏi nên chị N đã ly thân với anh P từ đầu năm 2026 đến nay, trong thời gian ly thân thì chị N và anh P cũng không hàn gắn tình cảm lại được nên chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P. Tòa án đã 02 lần thông báo hòa giải đoàn tụ nhưng anh P không đến Tòa án để hòa giải, điều này thể hiện ý chí của anh P không muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị N và anh P đoàn tụ về sống chung lại, trong khi chị N thì cương quyết ly hôn với anh P.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh P có 01 chung tên Nguyễn Bảo An N1, sinh ngày 19/01/2023, hiện cháu N1 đang sống chung với chị N. Nay ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, trong khi anh P không có ý kiến gì nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao chung tên Nguyễn Bảo An N1, sinh ngày 19/01/2023 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu, anh P không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu, anh P không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vì vậy chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004694 ngày 02/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Thành P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo An N1, sinh ngày 19/01/2023 cho chị Nguyễn Thị Hồng N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu N1 đang sống chung với chị N).

Anh Nguyễn Thành P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị Hồng N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thành P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Nguyễn Thành P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Thành P.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu, anh Nguyễn Thành P không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu, anh Nguyễn Thành P không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004694 ngày 02/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thành P không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc

thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã A (Giấy CNKH số 07, ngày 16/02/2024 của UBND xã A, huyện T cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cư